

MỤC LỤC

MỤC LỤC	I
DANH MỤC BẢNG	III
DANH MỤC HÌNH.....	IV
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	V
Chương I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
Tên chủ cơ sở	6
Tên cơ sở.....	6
Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	7
Công suất hoạt động của cơ sở.....	7
Công nghệ sản xuất của cơ sở	8
Sản phẩm của cơ sở	9
Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	9
Nguyên liệu.....	9
Nhiên liệu.....	9
Hóa chất sử dụng: Cơ sở không sử dụng các hóa chất trong quá trình kinh doanh.....	11
Các thông tin khác: Tổng số quản lý và nhân viên tại cơ sở là 3 Người.....	11
Chương II	12
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	12
Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	12
Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	12
Chương III.....	13
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13

Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
Thu gom, thoát nước mưa:	13
Thu gom, thoát nước thải:	13
Công trình xử lý bụi, khí thải	16
Công trình, biện pháp Lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	17
Công trình, biện pháp Lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	18
Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.....	19
Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	19
Chương IV.....	22
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	22
Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	22
Chương V.....	24
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
Chương VI.....	25
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	25
Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	25
Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.	26
Chương VII	27
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	27
Chương VIII.....	28
CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	28
PHỤ LỤC	29

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Các hạng mục công trình của cơ sở	7
Bảng 2: Quy mô Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm	8
Bảng 3: Số lượng xăng dầu nhập của cửa hàng	9
Bảng 4: Ước tính nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong 1 tháng.....	9
Bảng 5: Nhu cầu sử dụng nước	10
Bảng 6: Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT	16
Bảng 7: Thành phần và số lượng CTNH.....	18
Bảng 8: Các trang thiết bị cảnh báo, phòng cháy, chữa cháy.....	19
Bảng 9: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất của nước thải sinh hoạt.....	22
Bảng 10: Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT	23

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm.	6
Hình 2: Quy trình hoạt động của dự án	8
Hình 3: Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa	13
Hình 4: Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở.....	14
Hình 5: Sơ đồ bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt.....	14
Hình 6: Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải rắn.	18

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh học;
BTCT	: Bê tông cốt thép;
COD	: Nhu cầu oxy hóa học;
CTNH	: Chất thải nguy hại;
NĐ – CP	: Nghị định chính phủ;
N	: Nitơ;
SS	: Chất rắn lơ lửng;
STT	: Số thứ tự
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam;
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn;
TP	: Thành phố;
TT - BTNMT	: Thông TƯ Bộ Tài nguyên Môi trường; P
	: Phốt pho;
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy;
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam;
UBND	: Ủy ban Nhân dân;

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

Tên chủ cơ sở:

Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH LÊ NHIỆM**

Địa chỉ văn phòng: Thôn Hộ Diêm, xã Hộ Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Lê Nguyễn Yến Vi

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0917.650.444.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 4500131181 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu năm 1998 và cấp chuyển đổi loại hình Công ty TNHH Lê Nhiệm (hai thành viên trở lên) ngày 26/4/2012.

Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: **CỬA HÀNG BÁN LẺ XĂNG DẦU SỐ 6 LÊ NHIỆM**

- Địa điểm cơ sở: Thôn Khánh Nhơn, xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm được xác định tại thửa đất số 195, tờ bản đồ địa chính số 32, xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải. Giấy CNQSDĐ số AK 398767 do UBND huyện Ninh Hải cấp ngày 27/8/2007 và có vị trí tiếp giáp với các khu vực xung quanh như sau:

- * Phía Đông giáp : nhà dân
- * Phía Tây giáp : nhà dân
- * Phía Nam giáp : trại tôm.
- * Phía Bắc giáp : đường 702.

Hình 1: Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm.



Giấy phép môi trường của Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm
-Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy do Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy cấp ngày 31/7/2015.

-Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu do Sở Công thương cấp ngày 20/05/2021.

-Giấy chứng nhận CNQSDD số AK 398767 do UBND huyện Ninh Hải cấp ngày 27/8/2007.

- Quyết định Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu Lê Nhiệm số 2 thuộc Công ty TNHH Lê Nhiệm của UBND huyện Ninh Hải số 1802/QĐ-UBND ngày 18/10/2023.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, mua bán xăng dầu.

- Quy mô của cơ sở:

Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm thuộc danh mục dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu TƯ công, được quy định tại Mục II.2 Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ quy định tại các Điều 39, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải.

Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo khoản 4 Điều 28 và Phụ lục XII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tổng vốn đầu tư dự án là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

- Các hạng mục công trình của cơ sở:

Bảng 1: Các hạng mục công trình của cơ sở

Số tt	Hạng Mục	Đơn vị	Diện tích
1	Nhà làm việc	m ²	48
2	Bồn xăng	m ²	45
3	Nhà vệ sinh	m ²	6,75
4	Mái che cột trụ bơm	m ²	150
5	Bê chứa nước chữa cháy	m ²	3
6	Sân bê tông	m ²	253

Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

Công suất hoạt động của cơ sở:

Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm hiện đang hoạt động với tổng sức chứa xăng dầu tại cửa hàng là 20 m³ trong đó:

- Sức chứa dầu tối đa của dầu DO là: 8 m³ Tương đương 3,5 tấn.

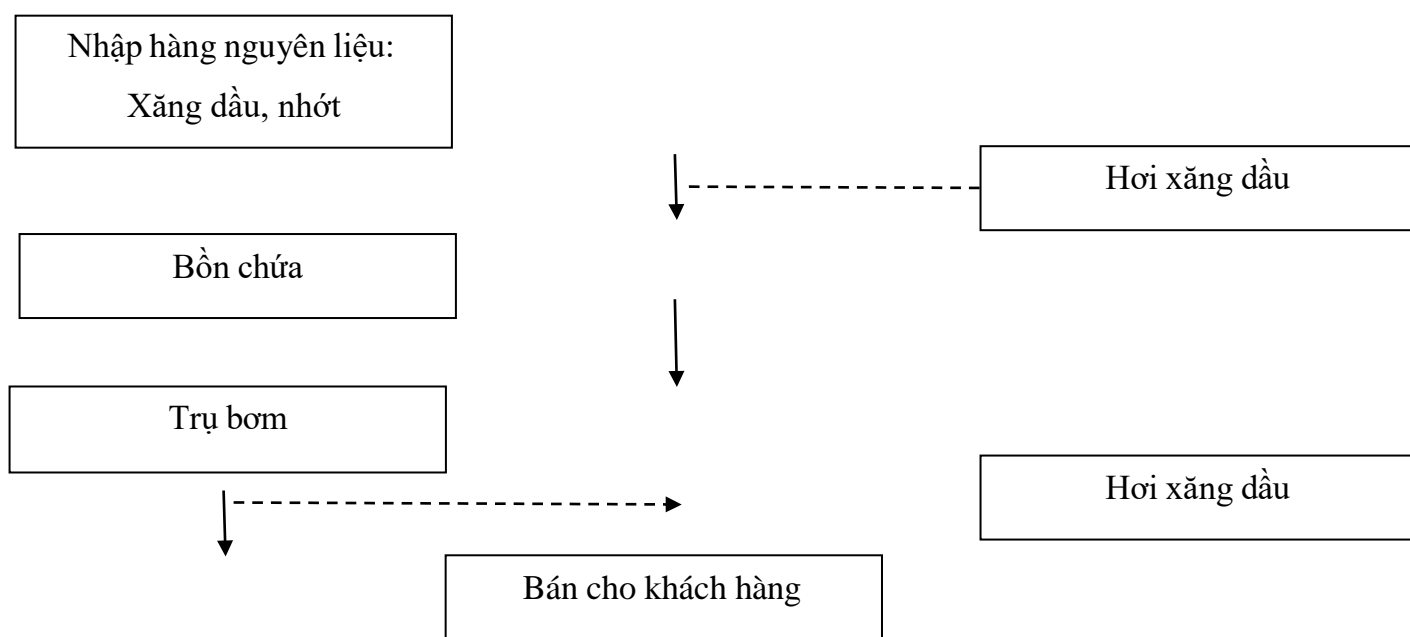
- Sức chứa xăng tối đa là: 12 m³ Tương đương 5 tấn.

Bảng 2: Quy mô Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm

Loại dầu	Số vòi bơm	Số Cột bơm	Bồn chứa			
			Số bồn chứa	Thể tích (m ³)	Khối lượng (Tấn)	Cách lắp đặt bồn chứa
DO 0,05S	1	1	1	8	3,5	Ngang – nổi trong bể BTCT
Xăng	3	3	2	7	3	
				5	2	
Tổng	4	4	3	20	8,5	

Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình hoạt động của dự án đầu tư:



Hình 2: Quy trình hoạt động của dự án

Thuyết minh quy trình

Nguyên liệu đầu vào của dự án là xăng dầu các loại được Công ty nhập về từ các nhà phân phối xăng dầu trong nước bao gồm dầu DO, xăng RON95, xăng RON92 với tổng dung tích mỗi lần nhập về là 11 m³.

Xăng dầu nhập về sẽ được Lưu chứa trong các bồn chứa được đặt âm hoàn toàn dưới đất, phơng pháp chuyển dầu từ các xe bồn đến bể chứa bằng cách tự

chạy từ oto xitec qua các họng nhập kín vào bể chứa, mỗi loại nhiên liệu sẽ có một bể chứa riêng biệt nhằm tránh việc rò rỉ nhiên liệu trong quá trình nhập.

Cửa hàng sẽ xuất bán lẻ cho các phoyong tiện bằng các cột bơm điện tử sử dụng điện Lưu lượng xuất với Lưu lượng xuất đạt 45 lít/phút.

Sản phẩm của cơ sở:

Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm kinh doanh lĩnh vực bán lẻ nhiên liệu xăng, dầu; các sản phẩm bán ra trong 1 tháng của cơ sở ước tính như sau:

Bảng 3: Số lượng xăng dầu nhập của cửa hàng.

Stt	Loại nhiên liệu	Đơn vị	Tần suất nhập	Khối lượng tối đa/lần
01	Xăng	lít	5 lần/1 tháng	5.000
02	Dầu DO 0,05S	lít	5 lần /1tháng	3.000

(Nguồn: Công ty TNHH Lê Nhiệm)

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

Nguyên liệu:

Nhu cầu nguyên liệu phục vụ Tương ứng với nhu cầu xuất bán cho hoạt động kinh doanh của Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm trong 1 tháng, cụ thể được thống kê tại bảng sau:

Bảng 4: Ước tính nhu cầu nguyên liệu sử dụng trong 1 tháng

STT	Tên mặt hàng	Số lượng sử dụng trong 1 tháng (m ³)
1	Xăng (RON95, RON92)	30.000
2	Dầu DO	15.000
Tổng cộng		45.000

Nhiên liệu:

Nhiên liệu phục vụ cho dự án chủ yếu là nước, điện, dầu DO, nhớt dùng để chạy máy phát điện.

Nhu cầu sử dụng điện

Điện chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt và chiếu sáng.

Tổng công suất khoảng 300kVA.

Nguồn điện: đấu nối với tuyến hạ thế 22kV hiện hữu.

Dự án sử dụng điện từ mạng lưới điện quốc gia.

Dầu DO: Do máy phát điện dự phòng không hoạt động thường xuyên và chỉ hoạt động khi hệ thống điện lưới cúp. Thực tế cho thấy lượng dầu DO sử dụng khoảng 100 – 150 lít/tháng Tương ứng với thời gian cúp điện là 10 – 15 giờ/tháng (10 lít/giờ).

Nhớt

Lượng nhớt sử dụng cho việc chạy máy phát điện dự phòng là 50 lít/1.000 giờ. Lượng nhớt sử dụng phụ thuộc vào thời gian hoạt động của máy phát điện khi có sự cố cúp điện lưới.

Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước cung cấp cho cửa hàng lấy từ nguồn nước thủy cục.

Nhu cầu sử dụng nước của cửa hàng trong ngày được tính toán như sau:

Bảng 5: Nhu cầu sử dụng nước

STT	Hoạt động sử dụng nước	Quy mô	Nhu cầu sử dụng nước tiêu chuẩn	Nhu cầu sử dụng một ngày (m ³ /ngày đêm)
1. Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt (Q_{sh})				
1.1	Sinh hoạt của nhân viên	2 Người	100 lít/Người/ngày (Tiêu chuẩn dùng nước cho nhân viên làm việc công cộng TCVN 4513-1988 (lít/Người/ca))	0,4
1.2	Sinh hoạt khách hàng	50 Người	2 lít/Người	0,1
2. Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích công cộng (Q_{cc})				
2.1	Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích rửa sân Ước tính khoảng 253 m ² x 8 lít/ m ² = 2 m ³ /ngày.			
Tổng cộng				2,5

Tổng lượng nước sạch lớn nhất cần cấp cho Cửa hàng trong 01 ngày: **Q_{nc} = 2,5 m³/ ngày đêm.**

- Lưu lượng xả thải: Theo công thức bảo toàn khối lượng lượng nước cấp dùng cho nhu cầu sinh hoạt sẽ bằng lượng nước thải phát sinh tại cửa hàng là **2,5 m³/ngày đêm.**

Hóa chất sử dụng: Cơ sở không sử dụng các hóa chất trong quá trình kinh doanh.

Các thông tin khác: Tổng số quản lý và nhân viên tại cơ sở là 3 Người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 19/02/2015 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2020, Cửa hàng xăng dầu bảo toàn 2 phù hợp với quan điểm phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu phải đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; phù hợp với kết cấu hạ tầng và gắn kết với các quy hoạch khác có liên quan và phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu đúng định hướng, đảm bảo các điều kiện về kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật.

Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng 0,4 m³/ngày. đêm. Nước thải sinh hoạt trong quá trình hoạt động của cơ sở sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và dẫn qua bể chứa và tái sử dụng trong khuôn viên dự án.

- Nước rửa sân bê tông, đường nội bộ: lượng nước sử dụng để tiêu chuẩn cấp nước rửa sân đường bê tông là 8 lít/m² x 253 m² = 2 m³/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh khoảng 4 kg/ngày sẽ được thu gom đúng quy định và hợp đồng với đội vệ sinh thôn Khánh Nhơn thu gom.

- Đối với chất thải nguy hại: được thu gom, Lưu chứa tạm thời trong kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Hơi xăng dầu: Lắp các van thở cho các bể chứa xăng dầu của kho chứa theo đúng quy định kỹ thuật nhằm để kiểm soát áp suất dọt và áp suất chân không trong bể để đảm bảo an toàn cho bể chứa và chống tổn thất do bay hơi xăng dầu trong quá trình vận hành.

Chủ dự án sẽ tuân thủ, chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo môi trường theo các quy chuẩn nêu trên.

Qua khảo sát tại khu vực thực hiện dự án cho thấy chất lượng môi trường tại khu vực còn khá tốt, xung quanh khu vực không có các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Do đó việc hoạt động buôn bán xăng dầu của cơ sở là hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

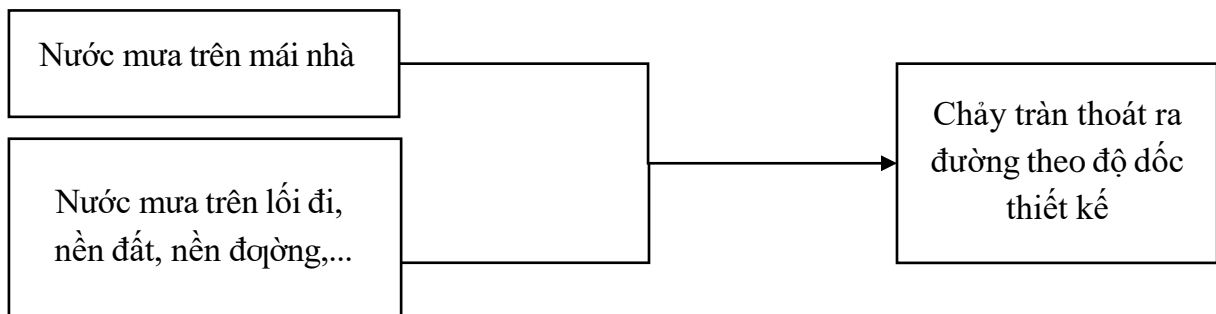
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Thu gom, thoát nước mưa:

Cơ sở có độ dốc về phía đường 702. Do đó, nước mưa trên các mái nhà và nước mưa chảy tràn trên nền đất, nền đường tại cơ sở sẽ theo độ dốc thiết kế thoát ra ngoài đường 702. Từ năm 2015 đến nay chưa xảy ra tình trạng ngập úng cục bộ tại khu vực cơ sở.



Hình 3: Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa

Thu gom, thoát nước thải:

Nước thải của cơ sở phát sinh chủ yếu từ các khu vệ sinh công cộng và nước thải rửa sân đường.

Nước thải từ khu vệ sinh công cộng sẽ được thu gom theo tuyến ống uPVC 114 về Hàm tự hoại.

Nước thải nhiễm dầu theo rãnh thu gom xây bằng xi măng và có khung sắt bọc lại và được thu gom về hố gạn dầu.

Các thông số thiết kế cơ bản của hệ thống thu gom:

Đường ống: uPVC D114 dài khoảng 20m.

Rãnh thu gom xây bằng xi măng dài khoảng 40 m.

Công trình thoát nước thải:

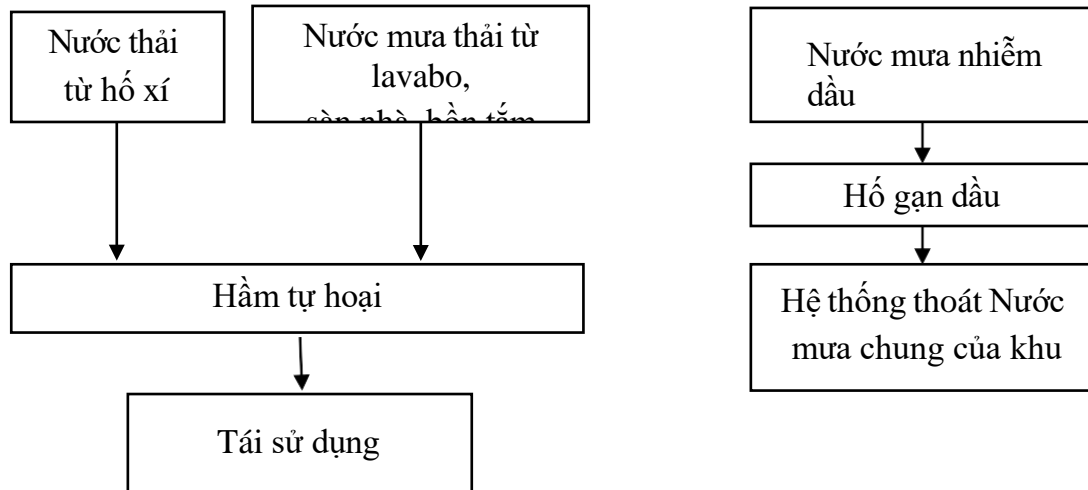
- Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hàm tự hoại. Cuối cùng nước này được dẫn về hố chứa và bổ sung thêm clorin với liều lượng phù hợp để xử lý Colifrom sau đó tái sử dụng. Hiện tại khu vực đường 702 chưa có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt nên chúng tôi tạm thời tái sử dụng. Đến khi khu vực có hệ thống thu gom nước thải, chúng tôi cam kết sẽ đầu nôi lượng nước thải này vào hệ thống thoát chung.

- Nước thải nhiễm dầu sau khi được tách dầu sẽ cho thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực trên đường 702.

Điểm xả nước thải sau xử lý:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ tái sử dụng.
- Nước thải nhiễm dầu sau xử lý sẽ cho thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường 702.

- Tọa độ hồ chứa: X= 1281467; Y= 0579477

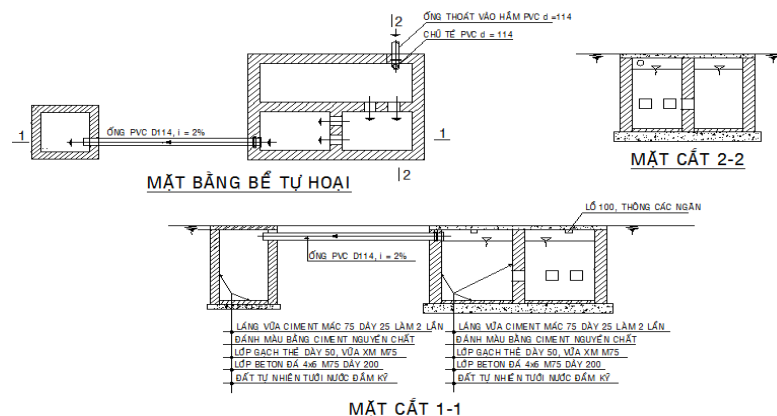


Hình 4: Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở

*** Thu gom xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh bằng bể tự hoại:**

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, thể tích xây dựng bể $V= 5 \text{ m}^3$; kích thước xây dựng: $B \times L \times H = (2,5 \times 1,8 \times 1,5) \text{ m}$. Số lượng bể tự hoại là 01 bể tại 01 nhà vệ sinh.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý được cho qua hồ chứa có kích thước $1,2 \text{ m} \times 1,2 \text{ m} \times 1 \text{ m}$. Nước thải sau xử lý được tận dụng để tưới đập bụi sân đường trong khuôn viên cơ sở.



Hình 5: Sơ đồ bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt

Nguyên tắc: Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà Lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng. Cũng nhờ có các ngăn này, công trình trở thành một dãy bể phản ứng kỵ khí được bố trí nối tiếp, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Quần thể vi sinh vật trong từng ngăn sẽ khác nhau và có điều kiện phát triển thuận lợi. ở những ngăn đầu, các vi khuẩn tạo axit sẽ chiếm ưu thế, trong khi ở những ngăn sau, các vi khuẩn tạo metan sẽ là chủ yếu.

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng gồm: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Các số liệu thống kê thực tế cho thấy mỗi Người cần khoảng 0,2 - 0,3 m³ bể tự hoại.

Vật liệu xây dựng bể tự hoại: Bể tự hoại 03 ngăn có kết cấu bê tông cốt thép, tô trát vữa xi măng xây dựng toàn bộ đáy và thành hồ, mặt trên được đặt bằng tấm đan đúc bê tông cốt thép.

*** Thu gom xử lý sơ bộ nước nhiễm dầu bằng hố gạn dầu:**

Toàn bộ nước thải có lẫn dầu của cơ sở theo rãnh thu gom xây bằng xi măng được dẫn về hố gạn dầu để xử lý loại bỏ hoàn toàn lượng dầu lẫn trong nước, sau đó nước sau xử lý sẽ cho thoát ra tuyến thoát nước chung của khu vực trên đường 702.

Cơ sở xây dựng 1 hố gạn dầu với kích thước: $D \times R \times C = 1,6 \times 1,4 \times 1$ (m).

- Tọa độ hố gạn dầu: X= 1281445; Y= 0579523

Nguyên tắc gạn dầu: Cặn được lấy bằng phương pháp thủ công định kỳ. Dầu được vớt lên định kỳ và được bỏ vào thùng chứa chất thải nguy hại, quản lý theo đúng Thông Tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Bể được chủ đầu Tư xây dựng đúng quy cách: trám đáy, được đúc bê tông kiên cố. Quy mô hoạt động của cửa hàng Tương đối nhỏ lượng nước thải phát sinh không thường xuyên và đều đặn nên việc xây dựng hố gạn dầu trên là hoàn toàn phù hợp với thực tế, ít ảnh hưởng đến môi trường. Qua quá trình hoạt động từ năm 2015 đến nay cơ sở chúng tôi xử lý rất tốt vấn đề môi trường.

Nước sau khi được xử lý sẽ đạt chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn nước thải sau xử lý:

Nước thải sau xử lý đạt: QCVN 29:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, chi tiết được thể hiện tại Bảng sau:

Bảng 6: Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
01	pH	-	5,5 - 9
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
04	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

Nguồn: QCVN 29:2010/BTNMT

Công trình xử lý bụi, khí thải

Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm không có các công trình xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, cơ sở đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu bụi, khí thải tại cơ sở như sau:

Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông trong khu vực:

Toàn bộ khuôn viên dự án đã được bê tông hóa. Ngoài ra, cơ sở cũng đã trồng một số cây xanh nhằm hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO₂, CO₂, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,...

Thường xuyên Tưới đường và rửa đường để ngăn ngừa bụi phát tán khi các phương tiện giao thông đi qua.

Quy định tốc độ khoảng 5km/h khi các xe Lưu thông trong khuôn viên Cơ sở.

Giảm thiểu khói bụi do hoạt động của máy phát điện dự phòng:

Máy phát điện dự phòng của dự án chỉ được vận hành khi có sự cố mất điện lưới. Do đó, nguồn ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ mang

tính gián đoạn, không thường xuyên, mức độ tác động đến môi trường không cao. Tuy nhiên, để giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng, Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng Lưu huỳnh thấp;

Có sử dụng ống khói cho máy phát điện;

Để hạn chế lượng khí thải ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện, Cơ sở đã đầu tư mua máy mới. Đồng thời, máy phát điện được mua kèm với cụm thùng chứa cách âm, giảm khí thải;

Máy phát điện được đặt trong phòng có Tường dày, và được đặt trên bệ bê tông chắc chắn, có chèn lớp cao su đàn hồi để giảm độ rung, hạn chế tiếng ồn khi máy phát điện hoạt động;

Bộ trí nhân viên bảo trì thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo trì, bảo dưỡng để phát hiện và giải quyết kịp thời sự cố.

Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và nơi tập kết rác:

Nước thải phát sinh tại với Lưu lượng nhỏ và chủ yếu tại nhà vệ sinh được thu gom và xử lý qua hầm tự hoại, tuyến ống thu gom được xây âm dưới đất nên không phát sinh mùi hay khí thải làm ảnh hưởng đến môi trường.

Rác sẽ được chứa trong các thùng chứa rác có nắp đậy, tránh cho ruồi muỗi phát triển và mùi hôi thoát ra gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh. Cuối ngày được nhân viên tập kết và được đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý bằng xe chuyên dụng tại bãi xử lý chung theo quy định của địa phương.

Bộ trí nhân viên quét dọn, vệ sinh khu vực làm việc và khu vực tập kết rác hàng ngày, tránh để rác rơi vãi gây mùi hôi và mất mỹ quan cơ sở.

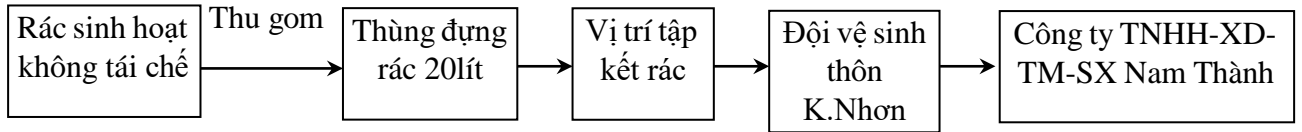
Công trình, biện pháp Lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở: 3 Người x 1 kg/Người/ngày = 1 kg/ngày.

- Chất thải rắn có thể tái chế sẽ được nhân viên vệ sinh tập trung vào 01 thùng chứa nhựa, dung tích 120 lít có nắp đậy và định kỳ bán phế liệu.

- Chất thải rắn không tái chế được nhân viên vệ sinh thu gom từ các thùng chứa 20 lít nhỏ tại các khu vực của Cơ sở. Định kỳ hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ chuyển giao cho đội vệ sinh thôn Khánh Nhơn thu gom và được Công ty

TNHH-XD-TM-SX Nam Thành vận chuyển về nhà máy để xử lý.



Hình 6: Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải rắn.

Công trình, biện pháp Lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải ... với số lượng thải ra ít và không thường xuyên. Thành phần và lượng thải của chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở, được dự báo như sau:

Bảng 7: Thành phần và số lượng CTNH

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	1	17 06 01
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	0,5	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	0,1	16 01 06
Tổng số lượng			1,6	

- Căn cứ điểm a, khoản 6, điều 35 Thông Tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, quy định: Khu vực Lưu giữ chất thải nguy hại (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu sau: mặt sàn trong khu vực Lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực Lưu giữ chất thải nguy hại....

Tuy nhiên, toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở sẽ được thu gom vào 01 thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt, có nắp đậy, thể tích 120 lít/thùng. Thùng này được đặt tại 1 nhà kho trong cơ sở. Cơ sở sẽ Lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển xử lý và báo cáo quản lý CTNH gửi về các đơn vị quản lý theo quy định.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện việc thu gom, Lưu trữ, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông Tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

Tiếng ồn và độ rung phát sinh tại cơ sở chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào đổ xăng dầu và tiếng ồn do máy phát điện, đây là nguồn gây ồn không thường xuyên, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện. Một số biện pháp hạn chế như sau:

- Quy định tốc độ xe ra vào kho dưới 20km/h để hạn chế tiếng ồn;

- Nhà đặt máy phát điện tại phòng đặt máy phát điện. Kiểm tra và thay thế đệm cao su, lò xo chống rung cho nền máy phát điện dự phòng. Mặt khác, tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện không thường xuyên, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện.

- Trồng cây xanh quanh khu vực dự án.

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, VSMT trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Cơ sở có các phương án thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cơ sở như sau:

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu:

Cơ sở sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I của Quyết định 12/2021/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ngày 24/03/2021 ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu. Nội dung này, Cơ sở sẽ thực hiện một báo cáo về kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cây xăng và gửi về cơ quan chức năng phê duyệt.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

Tại mỗi khu vực tại cơ sở đều được trang bị hệ thống PCCC riêng đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn khu vực dự án, bao gồm:

Bảng 8: Các trang thiết bị cảnh báo, phòng cháy, chữa cháy.

Stt	Thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đặc trưng kỹ thuật	Chức năng	Vị trí bố trí
-----	----------	-------------	----------	--------------------	-----------	---------------

Giấy phép môi trường của Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm

1	Bình bột chữa cháy MFZ4	Bình	03	Bình bột	Chữa cháy	Phòng làm việc
2	Bình bột chữa cháy MFTZ35	Bình	02	Bình bột	Chữa cháy	Phòng làm việc và khu vực bán hàng
3	Bình khí MT3	Bình	02	Bình khí	Chữa cháy	Phòng làm việc
4	Xô	Cái	02	Bằng nhựa	Chữa cháy	Phòng làm việc
5	Phuy cát	Chiếc	01	Bông gòn hợp	Chữa cháy	Phòng làm việc
6	Bảng cấm lửa	Cái	04	Bằng sắt	Cảnh báo	Khu vực bán hàng, khu vực nhập hàng
7	Bảng nội quy PCCC	Cái	01	Bằng sắt	Cảnh báo	khu vực bán hàng
8	Hệ thống thông tin liên lạc	HT	01	Thiết bị di động	Cảnh báo	Phòng làm việc
9	Bảng nội quy cơ quan	Cái	01	Bằng nhựa/tole	Cảnh báo	Khu vực bán hàng
10	Hồ chứa nước	Cái	01	Xây bằng xi măng	Chữa cháy	Khu vực bán hàng
12	Máy bơm Tohatsu V35	Cái	01	Lưu lượng 40 m ³ /h	Chữa cháy	Khu vực bán hàng, khu vực nhập hàng

Đường nội bộ trong cơ sở được thiết kế rộng, đảm bảo xe chữa cháy ra vào dễ dàng.

Có kế hoạch định kỳ kiểm tra các phoong tiện, thiết bị PCCC.

Bên cạnh đó, để tránh hiện Tượng quá tải điện, các biện pháp sau được áp dụng tại cơ sở:

Chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với dòng điện sử dụng.

Những nơi cách điện bị dập, nhựa cách điện bị biến màu là những nơi dễ phát ra lửa khi dòng điện quá tải cần được thay dây mới.

Khi sử dụng mạng điện và các máy móc thiết bị phải có những bộ phận bảo vệ nhọ cầu chì, role,...

Phòng cháy do chập mạch: để đề phòng chập mạch, các khu chức năng có áp dụng các biện pháp nhọ sau:

Khi mắc dây điện, chọn và sử dụng thiết bị điện phải theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn nhọ dây điện trần phía ngoài nhà phải cách xa nhau 0,25m.

Nếu dây dẫn tiếp xúc với kim loại mòn, vì vậy cấm dùng đinh, dây thép để buộc giữa dây điện.

Các dây điện nối vào phích cắm, đui đèn,... phải chắc và gọn, điện nối vào mạch rẽ ở hai đầu dây nóng và nguội không được trùng lên nhau.

Phòng chống cháy trạm biến áp: nếu máy áp làm việc quá công suất (hiện tượng ống báo nhiệt độ hoặc đồng hồ chỉ số quá an toàn) nên kiểm tra nhiệt độ.

Nếu thấy phía thành nắp máy biến áp thể người mùi khét và có khói trắng thì phải ngưng ngay hoạt động của máy.

Phòng đặt máy biến áp được xây dựng bằng vật liệu không cháy, cửa làm bằng vật liệu không cháy và mở ngoài. Trong các phòng máy biến áp không được để những vật gì khác.

Phòng trang bị phương tiện chữa cháy, bình CO₂, cát, xẻng, sào cắt điện.

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của khách và nhân viên trong cơ sở.

+ Nguồn số 2: Nước thải nhiễm dầu khi sự cố tràn dầu xảy ra.

- Dòng nước thải:

Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hầm tự hoại sau xử lý sẽ tái sử dụng trong khuôn viên cơ sở.

Dòng số 2: Nước thải có lẫn dầu sau xử lý cho thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Phan Đăng Lưu.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý được để tận dụng rửa đường và các hoạt động khác trong khuôn viên dự án, không xả thải ra môi trường nên tính chất nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Bảng 9: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất của nước thải sinh hoạt

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
01	pH	-	5-9
02	BOD5 ở 20 ⁰ C	mg/L	50
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
04	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1000
05	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4
06	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
07	Nitrat (tính theo N)	mg/L	50
08	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20
09	Phosphat (tính theo P)	mg/L	10

Giấy phép môi trường của Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 6 Lê Nhiệm

10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
11	Coliforms	MPN/100ml	5.000

Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được Lưu chứa vào hố chứa dung tích 1,44 m³ (1,2 x 1,2 x 1) m sau đó tái sử dụng trong phạm vi dự án.

- Tọa độ x = 1281467; y = 0579477 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Tại hố chứa sau xử lý.

Hiện tại khu vực dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt nên chúng tôi tái sử dụng. Đến khi khu vực có hệ thống thu gom nước thải, chúng tôi cam kết sẽ đầu nối lượng nước thải này vào hệ thống thoát chung.

- Nước thải có lẫn dầu: Nước sau khi được xử lý sẽ đạt chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Bảng 10: Giá trị các thông số ô nhiễm theo QCVN 29:2010/BTNMT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
01	pH	-	5,5 - 9
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
04	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

Nguồn: QCVN 29:2010/BTNMT

- Vị trí tiếp nhận nước thải: hố gạn dầu có dung tích 2,24 m³ (1,6 x 1,4 x 1) m sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước mưa trên đường Phan Đăng Lưu.

- Tọa độ x = 1281445; y = 0579523 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận: Tự chảy.

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Căn cứ điểm đ khoản 5 điều 28 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc đối Tượng phải quan trắc chất thải bổ sung theo khoản 2 điều 20 của thông TƯ 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

Theo khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 5 Điều 21 Thông TƯ số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối Tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó, thời gian vận hành thử nghiệm do chủ đầu Tư quyết định, tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án chọn thời gian vận hành là 01 tháng, cụ thể: quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
01	Tại hồ chứa nước thải sau xử lý.	Ngay sau khi có giấy phép môi trường	Không quá 01 tháng	100%

Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Thời gian dự kiến lấy mẫu:

Thời gian dự kiến lấy mẫu

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Ghi chú
01	Tại hồ chứa nước thải sau xử lý.	Ngay sau khi có giấy phép môi trường	Không quá 01 tháng	Thời gian thực hiện 3 ngày liên tiếp

6.2.2. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu:

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu sau xử lý của Bể tự hoại

SS tt	Vị trí	Thông số đánh giá	Số lượng mẫu	Thời gian
01	Tại hồ chứa	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn	3	Thời gian

	nước thải sau xử lý.	hòa tan (TDS); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); Photphat (PO_4^{3-} tính theo P); Sunfua (tính theo H_2S); Dầu mỡ động thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Coliform.		thực hiện 3 ngày liên tiếp
--	----------------------	--	--	----------------------------

6.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường:

Tổ chức thuộc Phòng Sở Tài Nguyên và môi trường – UBND huyện Ninh Hải.

Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

Chương trình quan trắc môi trường giai đoạn hoạt động:

- Quan trắc nước thải: Lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở khoảng 0,5 m³/ngày.đêm; Tương đương 0,02 m³/giờ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và phụ lục XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc đối Tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ; tự động, liên tục.

- Quan trắc chất thải rắn thông thường: khối lượng, chủng loại. Tại vị trí khu tập trung chất thải rắn thông thường, tần suất: thường xuyên.

- Quan trắc chất thải nguy hại: khối lượng, chủng loại (qua sổ nhật ký theo dõi). Tại vị trí kho chứa chất thải rắn nguy hại, tần suất thường xuyên.

- Chế độ báo cáo: báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường gửi đến phòng Tài nguyên và môi trường thành phố theo quy định.

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI
VỚI CƠ SỞ

Cơ sở trong thời gian hoạt động đảm bảo thực hiện đúng các quy định về môi trường, không có kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Lê Nhiệm cam đoan các nội dung, thông tin trong hồ sơ và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty TNHH Lê Nhiệm xin cam kết:

Xả nước thải theo nội dung giấy phép được cấp, không xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vào nguồn nước, ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và tuân thủ các nghĩa vụ theo Quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật tài nguyên nước;

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, phối hợp với cơ quan quản lý khắc phục sự cố môi trường;

Bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ra ô nhiễm, sự cố môi trường;

Quan trắc, giám sát hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải và hoạt động xả thải vào nguồn nước.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy tờ pháp lý

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy